TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2023/QĐST-LĐ	*V, ngày 27 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Cẩm Vân.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Hoàng Diệp – Thư ký tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-VDS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc: *Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 48/2023/QĐST-VDS ngày 22 tháng 11 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị **Vũ Thị P,** sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Xc, xã Bp, huyện P, tỉnh Phú Thọ

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. **Công ty TNHH F VIỆT NAM**

Địa chỉ: Lô B6, khu Công nghiệp T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền: Chị Hoàng Lệ T – Cán bộ nhân sự (có đơn xin vắng mặt)

2. **BHXH tỉnh Phú Thọ**

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền: Ông T – Trưởng phòng cấp sổ thẻ (có đơn xin vắng mặt)

3. Chị **Trịnh Thị Thu H**, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 4, xã Tv, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu ngày 08/11/2023 chị Vũ Thị P trình bày:

Tháng 7/2011, chị Trịnh Thị Thu H là em họ của chị P do chưa đủ tuổi lao động nên mượn của chị P 01 bộ hồ sơ xin việc để xin làm việc tại Công ty TNHH

F VIỆT NAM. Sau khi ký hợp đồng, Công ty TNHH F VIỆT NAM đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H theo sổ bảo hiểm số T132125634 đứng tên chị H. Khi chị H đang làm việc tại Công ty TNHH F VIỆT NAM thì chị P làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam. Công ty TNHH TNHH F Việt Nam đóng bảo hiểm cho chị H dưới tên chị P đến hết tháng 7/2012.

Chị P có 2 số sổ bảo hiểm: Số sổ 1: T132125634 cấp tại Công ty TNHH F VIỆT NAM (Do chị H làm việc tại đây) và sổ số 2: 2508015324 được cấp tại Công ty TNHH S Việt Nam (Do chị P trực tiếp làm tại đây). Như vậy, chị P có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012.

Nay chị P đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị Vũ Thị P (thực tế là do chị Trịnh Thị Thu H ký) là vô hiệu và đề nghị BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 của sổ bảo hiểm số T132125634 cấp tại Công ty Flecon Việt Nam. Chị P nhất trí số tiền thoái thu theo sự tính toán của BHXH tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH F VIỆT NAM trình bày tại bản tự khai ngày 14/11/2023:

Tháng 7/2011, Công ty TNHH F VIỆT NAM có kí hợp đồng lao động với chị Vũ Thị P. Sau khi ký hợp đồng, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị P theo quy định đến tháng 7/2012. Công ty không còn lưu bản sao của Hợp đồng lao động trên.

Nay chị Vũ Thị P đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị P vào tháng 7/2011 là vô hiệu do có sự lừa dối, như theo chị P trình bày là có sự lừa dối, cụ thể: Tháng 7/2011, do chưa đủ tuổi, chị Trịnh Thị Thu H là em họ của chị P đã mượn chị P 01 bộ hồ sơ sơ yếu lý lịch mang tên chị Vũ Thị P để xin việc tại Công ty TNHH F VIỆT NAM. Trong thời gian chị H làm việc dưới tên chị P tại Công ty TNHH F VIỆT NAM thì chị P đang làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam, vì vậy người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F VIỆT NAM thực tế là chị Trịnh Thị Thu H. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H theo sổ bảo hiểm đứng tên chị P từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012.

Nay chị P bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên chị P đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị Vũ Thị P vào tháng 7/2011 (thực tế do Trịnh Thị Thu H ký) là vô hiệu và thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội.

Quan điểm của Công ty TNHH F VIỆT NAM về yêu cầu của chị P: Đề nghị Toà án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho Công ty TNHH F VIỆT NAM cũng như các đương sự. Công ty TNHH F VIỆT NAM đồng ý việc Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty Công ty TNHH

F VIỆT NAM và chị Vũ Thị P vào tháng 7/2011 (thực tế do chị Trịnh Thị Thu H ký) là vô hiệu. Công ty TNHH F VIỆT NAM cũng nhất trí thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội theo sự tính toán của BHXH tỉnh Phú Thọ. Số tiền thoái thu Công ty TNHH F VIỆT NAM nhất trí trả cho người lao động thực tế ký hợp đồng với công ty là chị Trịnh Thị Thu H.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là BHXH tỉnh Phú Thọ trình bày tại bản tự khai ngày 14/11/2023:

Qua quá trình rà soát bảo hiểm xã hội trên hệ thống, chúng tôi phát hiện trường hợp chị Vũ Thị P, sinh năm 1990 ở Khu Xc, xã Bp, huyện P, tỉnh Phú Thọ có hai số sổ bảo hiểm xã hội:

Số sổ 1: T132125634 được cấp tại Công ty TNHH F VIỆT NAM

Số sổ 2: 2508015324 được cấp tại Công ty TNHH S Việt Nam

Và chị P có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012.

Nay chị P đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị P là vô hiệu do có sự lừa dối, như theo chị P trình bày là có sự lừa dối, cụ thể: Tháng 7/2011, do chưa đủ tuổi lao động, chị Trịnh Thị Thu H là em họ của chị P đã lấy 01 bộ hồ sơ sơ yếu lý lịch mang tên chị Vũ Thị P để xin việc tại Công ty TNHH F VIỆT NAM. Trong thời gian chị H làm việc dưới tên chị P tại Công ty TNHH F VIỆT NAM thì chị P đang làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam. Công ty TNHH F VIỆT NAM đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H theo sổ bảo hiểm đứng tên chị P từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012.

Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký hợp đồng lao động sẽ gửi hồ sơ, danh sách đóng BHXH của Công ty đến Cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH cho người lao động

Điều này đã dẫn đến việc chị P có 02 số sổ bảo hiểm xã hội tại 02 công ty khác nhau tại cùng một thời điểm.

Quan điểm của BHXH tỉnh Phú Thọ về yêu cầu của Vũ Thị P như sau: Đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa công ty Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị Vũ Thị P (do chị Trịnh Thị Thu H ký) là vô hiệu, thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 số tiền là 5.551.000 đồng, hoàn trả số tiền thoái thu cho người lao động thực tế kí hợp đồng với Công ty TNHH F VIỆT NAM là chị Trịnh Thị Thu H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Thu H trình bày tại bản tự khai ngày 14/11/2023:

Tháng 7/2011, do chưa đủ tuổi lao động nên chị H có mượn 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Vũ Thị P là chị họ để xin làm việc tại Công ty TNHH F VIỆT NAM. Công ty có kí hợp đồng lao động với chị H dưới tên Vũ Thị P. Sau khi ký hợp đồng, công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H theo sổ bảo hiểm số

T132125634 đứng tên chị P. Khi chị H đang làm việc tại Công ty TNHH F VIỆT NAM thì chị P làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam. Công ty đóng bảo hiểm cho chị H dưới tên chị P đến hết tháng 7/2012 thì chị H thôi việc. Do đó chị P có thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012. Chị H không còn giữ bảo sao hợp đồng lao động đã ký với Công ty TNHH F VIỆT NAM.

Nay chị P đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị P (thực tế là do chị H ký) là vô hiệu do có sự lừa dối và đề nghị thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm số T132125634, chị H nhất trí với đề nghị của chị P, đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị P (thực tế là do chị H ký) tháng 7/2011 là vô hiệu do có sự lừa dối và thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm số T132125634. Chị H nhất trí với sự tính toán của BHXH tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị Căn cứ: Khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 25; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 367; khoản 1 Điều 149, điều 401, điều 402 BLTTDS năm 2015; Điều 122, 132, 410 Bộ luật dân sự 2005; Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị P.

- Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị Vũ Thị P và Công ty TNHH F VIỆT NAM vào tháng 7/2011 là vô hiệu toàn bộ.

- Về hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu: Đề nghị BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu số tiền bảo hiểm 5.551.000 đồng tại sổ bảo hiểm số T132125634 được cấp tại Công ty TNHH F VIỆT NAM mang tên Vũ Thị P từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012, để trả lại cho chị Trịnh Thị Thu H.

Về lệ phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000đ lệ phí (được khấu trừ vào số tiền đã nộp lệ phí).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và thoái thu bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Tháng 7/2011, người lao động và Công ty TNHH F VIỆT NAM đã ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty TNHH TNHH

Flecon Việt Nam tại Khu công nghiệp T, xã Tv, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm v, khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu của chị Vũ Thị P đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị P vào tháng 7/2011 (Do chị Trịnh Thị Thu H mượn hồ sơ) là vô hiệu, xét thấy: Việc chị Trịnh Thị Thu H lấy hồ sơ tên chị Vũ Thị P để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F VIỆT NAM là giả mạo khi giao kết hợp đồng, nên đề nghị của chị P là phù hợp với quy định của pháp luật. Sau đó, Công ty TNHH F VIỆT NAM đã đóng bảo hiểm xã hội cho chị H (mượn tên chị P) dẫn đến có thời gian đóng trùng của 02 sổ bảo hiểm, vì vậy cần phải thoái thu số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội theo tính toán của cơ quan BHXH tỉnh Phú Thọ.

[3] Về lệ phí: Chị Vũ Thị P phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 25; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 367; khoản 1 Điều 149, điều 401, điều 402 BLTTDS năm 2015; Điều 122, 132, 410 Bộ luật dân sự 2005; Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Vũ Thị P. Tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH F VIỆT NAM và chị P vào tháng 7/2011 (Do chị Trịnh Thị Thu H mượn hồ sơ) là vô hiệu toàn bộ.

- Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2011 đến tháng 7/2012 của sổ bảo hiểm số T132125634, cấp tại TNHH F Việt Nam. Số tiền thoái thu căn cứ theo sự tính toán BHXH tỉnh Phú Thọ là 5.551.000 đ (Năm triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn đồng), trả lại cho chị Trịnh Thị Thu H.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005657 ngày 08/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày tính từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSNS thành phố V;
- Chi cục THADS TP V;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Cẩm Vân